

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhữn

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần T B T, sinh năm 1983; Địa chỉ: thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê V T, sinh năm 1978; Địa chỉ: thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà T có mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần T B T trình bày:* Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn B), huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 02/11/2001. Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có 02 con chung tên Lê T N L, sinh ngày 12/12/2000 và Lê V T, sinh ngày 25/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình ông T hay

cáu gắt nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm tinh thần bà T mệt mỏi, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê V T, sinh ngày 25/11/2003, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê T N L đã thành niên nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê V T*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần T B T và ông Lê V T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn B), huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 02/11/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần T B T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê V T cư trú tại thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê V T: Xét thấy ông Lê V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê V T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông T không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà T. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà T về tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Lê T N L, sinh ngày 12/12/2000 và Lê V T, sinh ngày 25/11/2003. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê V T.

Xét thấy, bà T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và con chung có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do đó căn cứ theo nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ngoài ra, ông T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê V T là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung. Đối với con chung Lê T N L đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần T B T phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Bị đơn ông Lê V T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần T B T đối với ông Lê V T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần T B T ly hôn ông Lê V T.

- Về con chung: Giao con chung Lê V T, sinh ngày 25/11/2003 cho bà Trần T B T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê V T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần T B T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000062 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần T B T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê V T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- **UBND thị trấn B;**
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng